

Số: 23/2021/QĐST-HNGĐ

KĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn PC, xã PT, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn PC, xã PT, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- + Cháu Nguyễn Thị PA, sinh ngày 14/3/2007.
- + Cháu Nguyễn Thị PV, sinh ngày 21/02/2011.
- + Cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/3/2013.

*Người đại diện cho ba cháu PA, PV, Đức H* là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/ 4/ 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện

thuận tình ly hôn.

**2.2.** Về con chung: Chị N và anh T có ba con chung là cháu Nguyễn Thị PA, sinh ngày 14/3/2007; Nguyễn Thị PV, sinh ngày 21/02/2011 và cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/3/2013. Chị N và anh T thỏa thuận, chị N sẽ nuôi cháu H còn anh T sẽ tiếp tục nuôi hai cháu PA, PV cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**2.3.** Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị N và anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4.** Về án phí: Chị N tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001967 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả chị N 150.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001967 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- UBND xã PT;
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Phòng KTNV và THA Tòa án ND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Quốc Huy**

